

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/DS -ST
Ngày: 30-5- 2024
V/v: “ T/c Hợp đồng dân sự
vay tài sản; T/c Hợp đồng thuê
nhà”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- **Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Tú
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Khắc Quế, bà Nguyễn Thị Hạnh;
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bắc – Thư ký Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Lâm Đồng.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Chung– Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2023/TLST- DS ngày 28 tháng 8 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản; tranh chấp hợp đồng thuê nhà” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST- DS ngày 19 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vũ Công T, sinh năm 1966; địa chỉ: Số X đường L, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Bi đơn: Bà Đỗ Thị Th, sinh năm: 1974; địa chỉ: Số nhà Y đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông T có mặt, bà Th vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2023, các lời khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Vũ Công T trình bày:

Ông Vũ Công T có cho bà Đỗ Thị Th vay số tiền cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 07/12/2021 tiền gốc là 20.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 30/5/2024 là 905 ngày x 10%/ năm = 4.958.901,11 đồng.

Lần 2: Ngày 11/01/2022 tiền gốc là 30.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 30/5/2024 là 10.631.506,85 đồng gồm:

- Tiền lãi trong hạn 30.000.000 đ x 20 ngày x 10%/năm = 164.308,56 đồng;
- Tiền lãi quá hạn là 849 ngày x 15%/ năm = 10.467.123,29 đồng.

Lần 3: Ngày 08/3/2022 tiền gốc là 70.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 30/5/2024 là 814 ngày $\times 10\% = 15.610.958,90$ đồng.

Lần 4: Ngày 19/5/2022 tiền gốc là 50.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 30/5/2024 là 15.013.698,63 đồng gồm:

- Lãi trong hạn 31 ngày $\times 10\%/năm = 424.657,53$ đồng;
- Lãi quá hạn 710 ngày $\times 15\%/năm = 14.589.041,10$ đồng;

Lần 5: Ngày 15/11/2022 tiền gốc là 50.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 30/5/2024 là 9.445.205,48 đồng gồm:

- Lãi trong hạn 304 ngày $\times 10\%/năm = 4.164.383,56$ đồng;
- Lãi quá hạn 257 ngày $\times 15\%/năm = 5.280.821,90$ đồng;

Lần 6: Ngày 19/11/2022 tiền gốc là 50.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 30/5/2024 là 9.363.013,70 đồng gồm:

- Lãi trong hạn 304 ngày $\times 10\%/năm = 4.164.383,56$ đồng;
- Lãi quá hạn 253 ngày $\times 15\%/năm = 5.198.630,14$ đồng;

Lần 7: Ngày 30/12/2022 tiền gốc là 50.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 30/5/2024 là 9.568.493,15 đồng, gồm:

- Lãi trong hạn 151 ngày $\times 10\%/năm = 2.068.493,15$ đồng;
- Lãi quá hạn 365 ngày $\times 15\%/năm = 7.500.000,00$ đồng;

Lần 8: Ngày 04/12/2022 tiền gốc là 50.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 30/5/2024 là 11.068.493,15 đồng, gồm:

- Lãi trong hạn 20 ngày $\times 10\%/năm = 136.986,30$ đồng;
- Lãi quá hạn 532 ngày $\times 15\%/năm = 10.931.506,85$ đồng;

Lần 9: Ngày 04/01/2023 tiền gốc là 20.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 30/5/2024 là 4.153.424,66 đồng gồm:

- Lãi trong hạn 10 ngày $\times 10\%/năm = 109.589,04$ đồng;
- Lãi quá hạn 492 ngày $\times 15\%/năm = 4.043.835,62$ đồng;

Tổng cộng 09 lần ông T cho bà Th vay 390.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 89.813.699 đồng.

Ngoài ra bà Th có thuê nhà của ông T, sau khi trả nhà hai bên thanh toán bà Th còn nợ ông T số tiền 7.900.000 đồng.

Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Th có nghĩa vụ trả cho ông số tiền nợ gốc là 390.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 30/5/2024 là 89.813.699 đồng, cộng hai khoản là 479.813.699 đồng và tiền thuê nhà còn nợ là 7.900.000 đồng. Tại phiên tòa ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là 89.813.699 đồng, chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà Th trả khoản nợ gốc là 390.000.000 đồng và tiền thuê nhà còn thiếu là 7.900.000 đồng.

Tại đơn trình bày đề ngày 20/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đỗ Thị Th trình bày:

Vào ngày 07/12/2021 bà có vay của ông T số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất mỗi tháng 3.000.000 đồng, đến ngày 20/11/2023 là 18 tháng bà phải trả cho ông T tiền lãi là 10.800.000 đồng.

Ngày 11/01/2021 bà vay thêm của ông T số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 10 ngày trả 3.000.000 đồng, đến ngày 20/11/2023 bà Th phải trả 108.000.000 đồng tiền lãi.

Ngày 08/3/2022 bà Th có nhận nợ của ông T số tiền 70.000.000 đồng tiền lãi của 30.000.000 đồng, chuyển thành tiền vay. Ông T tính lãi tiếp đối với số tiền 70.000.000 đồng, bà Th phải trả tiền lãi của 18 tháng trên nợ gốc là 121.000.000 đồng.

Ngày 19/5/2022 bà Th không có khả năng đóng lãi, ông T cho bà nhận nợ tiếp 50.000.000 đồng, không tính lãi.

Ngày 15/11/2022 ông T tiếp tục cho bà Th nhận nợ 50.000.000 đồng của các món nợ trước, ông T tính lãi cứ 10 ngày bà phải đóng 2.500.000 đồng, trong 07 tháng bà Th phải đóng 52.500.000 đồng.

Ngày 04/12/2022 bà Th tiếp tục nhận nợ ông T số tiền 50.000.000 đồng, lãi phải đóng trong 10 ngày là 3.000.000 đồng, 07 tháng bà Th phải đóng 93.000.000 đồng.

Ngày 30/12/2022 bà Th nhận nợ tiếp số tiền 50.000.000 đồng, mỗi tháng đóng lãi 3.000.000 đồng, 06 tháng bà Th phải trả lãi 18.000.000 đồng.

Ngày 04/01/2023 bà Th vay tiền mặt của ông T 20.000.000 đồng, ông T tính lãi 8.000đồng/1.000.000 đồng, tiền lãi 4.800.000 đồng/tháng x 06 tháng là 28.800.000 đồng.

Tổng các khoản lãi bà Th phải đóng cho ông T là 475.300.000 đồng.

Ngày 17/02/2023 bà Th có nhờ ông Hoàng Ngọc L và vợ là bà Lê Thị Mộng Đ cho bà Th mượn sổ đỏ để ủy quyền cho ông T vay ngân hàng cho bà số tiền 500.000.000 đồng để trả khoản vay 200.000.000 đồng, còn dư thì để lại kinh doanh. Ông T đưa cho bà Th 02 tờ giấy chưa ghi số tiền để bà Th đưa cho ông L, bà Đ ký và lặn tay để ông T đi vay ngân hàng, sau khi ông L, bà Đ ký và lặn tay xong ông T ghi số tiền 150.000.000 đồng và 100.000.000 đồng vào hai tờ giấy nêu trên mà không đi vay ngân hàng như thỏa thuận. Ông T yêu cầu ông L, bà Đ sang tên sổ đỏ cho ông T rồi ông mới vay dùm cho. Còn số tiền 200.000.000 đồng ông T vẫn tính lãi cứ 01 ngày là 1.000.000 đồng, 01 tháng là 30.000.000 đồng, đến ngày 20/11/2023 là 04 tháng bà Th phải đóng 120.000.000 đồng tiền lãi. Bà Th không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T. Nguyên đơn có đơn đề nghị không hòa giải.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền lãi 89.813.699 đồng do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Vũ Công T; buộc bà Đỗ Thị Th có nghĩa vụ trả cho ông Vũ Công T số tiền nợ gốc là 390.000.000 đồng và 7.900.000 đồng tiền thuê nhà. Buộc bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Th được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Tại phiên tòa nguyên đơn ông Vũ Công T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi là 89.813.699 đồng, xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần này.

[3]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lại số tiền vay là 390.000.000 đồng và tiền thuê nhà còn thiếu là 7.900.000 đồng; bị đơn có địa chỉ tại phường L, thành phố B, Lâm Đồng; căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là: Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản; tranh chấp hợp đồng thuê nhà thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

[4]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Nguyên đơn, bị đơn xác lập giao dịch dân sự với nhau từ năm 2021 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[5]. Về yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 390.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ: Căn cứ vào chứng cứ là giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp thì các lần nhận tiền từ ông T, bà Th đều ký và ghi rõ họ tên. Do vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Th trả số tiền nợ gốc là 390.000.000 đồng là có căn cứ.

Căn cứ vào chứng cứ là giấy xác nhận đề ngày 29/5/2023 bà Th còn nợ tiền thuê nhà của ông T là 7.900.000 đồng, do vậy nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ trên là có cơ sở chấp nhận.

[6]. Đối với ý kiến của bà Th cho rằng ông T cho vay lãi suất cao và nhập lãi vào gốc để tính lãi tiếp nhưng bà Th không đưa ra được chứng cứ để chứng minh do vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Ý kiến của bà Th về việc ngày 17/02/2023 bà Th có nhờ ông Hoàng Ngọc L và vợ là bà Lê Thị Mộng Đ cho bà Th mượn sổ đỏ để ủy quyền cho ông T vay ngân hàng cho bà số tiền 500.000.000 đồng để trả khoản vay 200.000.000 đồng bà Th nợ ông T, còn dư thì để lại kinh doanh. Ông T đưa cho bà Th 02 tờ giấy chưa ghi số tiền để bà Th đưa cho ông L, bà ký và lấn tay để ông T đi vay ngân hàng, sau khi ông L, bà Đ ký và lấn tay xong ông T ghi số tiền 150.000.000 đồng và 100.000.000 đồng vào hai tờ giấy nêu trên mà không đi vay ngân hàng như thỏa thuận. Đối với phần này thì vào ngày 23/10/2023 ông T đã nộp đơn khởi kiện đối với vợ chồng ông L, bà Đ tại Tòa án và được Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý một vụ án khác ngày 24/10/2023 giữa nguyên đơn ông Vũ Công T, bị đơn ông Hoàng Ngọc L, bà Lê Thị Mộng Đ.

[6]. Về án phí: Bà Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, 466, 472 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 129 Luật nhà ở và Nghị quyết số 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Công T đối với số tiền lãi là 89.813.699 đồng.

2/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Công T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, buộc bà Đỗ Thị Th có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền vay gốc là 390.000.000 đồng (*Ba trăm chín mươi triệu đồng*).

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Công T về việc tranh chấp hợp đồng thuê nhà, buộc bà Đỗ Thị Th thanh toán cho ông T số tiền thuê nhà còn thiếu là 7.900.000 đồng (*Bảy triệu chín trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Về án phí: Buộc bà Đỗ Thị Th phải chịu 19.500.000đ án phí vay tài sản và 359.000 đồng án phí hợp đồng thuê nhà; ông T không phải chịu án phí, trả lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.098.000 đồng theo biên lai thu số 0005911 ngày 28/8/2023 và biên lai thu số 0005926 ngày 06/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn là 15 ngày kể từ tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP B;
- Chi cục T.H.A.D.S.TP.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Đình Tú

